

Số: KH1T-28/12h00/DBQG-DBKH

Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2026

**BẢN TIN DỰ BÁO KHÍ HẬU THỜI HẠN THÁNG
TRÊN PHẠM VI TOÀN QUỐC**
(Tháng 10/2026)

1. Phân tích, đánh giá thời tiết, khí hậu nổi bật tháng 9/2026

+ **Bão và áp thấp nhiệt đới (ATNĐ):** Trong tháng 9/2026, trên khu vực Biển Đông đã xuất hiện 01 cơn bão và 01 ATNĐ, đó là cơn bão số 5 (SAUDEL) và ATNĐ ngày 12/9 (Hình 1), diễn biến cụ thể như sau:



(a)



(b)

Hình 1: Quỹ đạo của cơn bão số 5 (a); ATNĐ ngày 12/9 (b)

Bão số 5: Sáng ngày 31/8, vùng áp thấp suy yếu từ cơn bão SAUDEL đã di chuyển xuống vùng biển phía Đông của bán đảo Lôi Châu (Trung Quốc) và mạnh lên thành ATNĐ trên khu vực Biển Đông, sau đó di chuyển nhanh theo hướng Tây Nam rồi Nam qua khu vực phía Nam đảo Hải Nam với cường độ cấp 6-7, giạt cấp 8-9. Đến sáng ngày 01/9, ATNĐ mạnh lên thành bão số trên vùng biển phía Tây khu vực Bắc Biển Đông, cách đặc khu Hoàng Sa khoảng 240km về phía Bắc, cường độ bão mạnh cấp 8, giạt cấp 10. Bão số 5 hoạt động chủ yếu ở khu vực Bắc Biển Đông với cường độ cấp 8, giạt cấp 10 (có lúc cấp 8-9, giạt cấp 11) và di chuyển theo hướng Đông Bắc với tốc độ 05-10km/h; ngày 03/9 bão đổ bộ phía Đông Nam tỉnh Phúc Kiến (Trung Quốc), đi sâu vào đất liền, suy yếu và tan dần.

ATNĐ (ngày 12/9): Sáng sớm ngày 12/9, vùng áp thấp trên khu vực phía Tây Nam đặc khu Hoàng Sa đã mạnh lên thành ATNĐ, di chuyển chủ yếu theo hướng Tây Bắc với tốc độ khoảng 10 km/h. Chiều 13/9, ATNĐ đã đi vào đất liền khu vực Quảng Trị; do ảnh hưởng của hoàn lưu ATNĐ ở đặc khu Cồn Cỏ (Quảng Trị) có gió mạnh cấp 6-7, giạt cấp 8; Đồng Hới (Quảng Trị) và Kỳ Anh

(Hà Tĩnh) có gió mạnh cấp 6, giật cấp 8. Tối cùng ngày, ATNĐ đã suy yếu thành một vùng áp thấp trên khu vực phía Tây tỉnh Quảng Trị, sau đó tiếp tục di chuyển sang khu vực Trung Lào suy yếu thành vùng áp thấp và tan dần.

+ **Mưa diện rộng:** Trong tháng 9/2026, tại khu vực Bắc Bộ đã xuất hiện 03 đợt mưa từ ngày 09-11/9, 14-18/9 và ngày 23-24/9. Đáng chú ý là đợt mưa từ ngày 14-18/9, do chịu ảnh hưởng của không khí lạnh kết hợp với hội tụ gió lên đến mực 5000m cùng với hoạt động của dải hội tụ nhiệt đới nối với áp thấp nhiệt đới nên từ ngày 14-17/9 ở khu vực Bắc Bộ đã xảy ra mưa vừa mưa to, riêng tại khu vực các tỉnh tại Đồng bằng Bắc Bộ, Phú Thọ và Tp. Bắc Ninh có tổng lượng mưa phổ biến trong khoảng 300-500mm, có nơi trên 600mm.

Khu vực Trung Bộ xảy ra 03 đợt mưa diện rộng như sau: Từ ngày 30/8-01/9, 04-06/9 và từ ngày 09-26/9. Đáng chú ý đợt mưa từ ngày 09-26/9 xuất hiện mưa diện rộng kéo dài; trong đó, thời kỳ từ ngày 13-20/9 và từ 23-25/9, mưa vừa, mưa to tập trung chủ yếu ở các tỉnh từ Thanh Hóa-Tp. Đà Nẵng; thời kỳ từ 19-23/9, mưa vừa, mưa to tập trung chủ yếu ở các tỉnh từ Quảng Trị-Tp. Đà Nẵng và ven biển các tỉnh Quảng Ngãi-Lâm Đồng). Tại khu vực Trung Bộ từ ngày 09-26/9 tổng lượng mưa (TLM) phổ biến từ 300-700mm, có nơi trên 700mm, đặc biệt tại trạm A Lưới (Tp. Huế) đo được 1113mm, trạm Tĩnh Gia (Thanh Hóa) là 958mm, tại Vinh (Nghệ An) là 938mm.

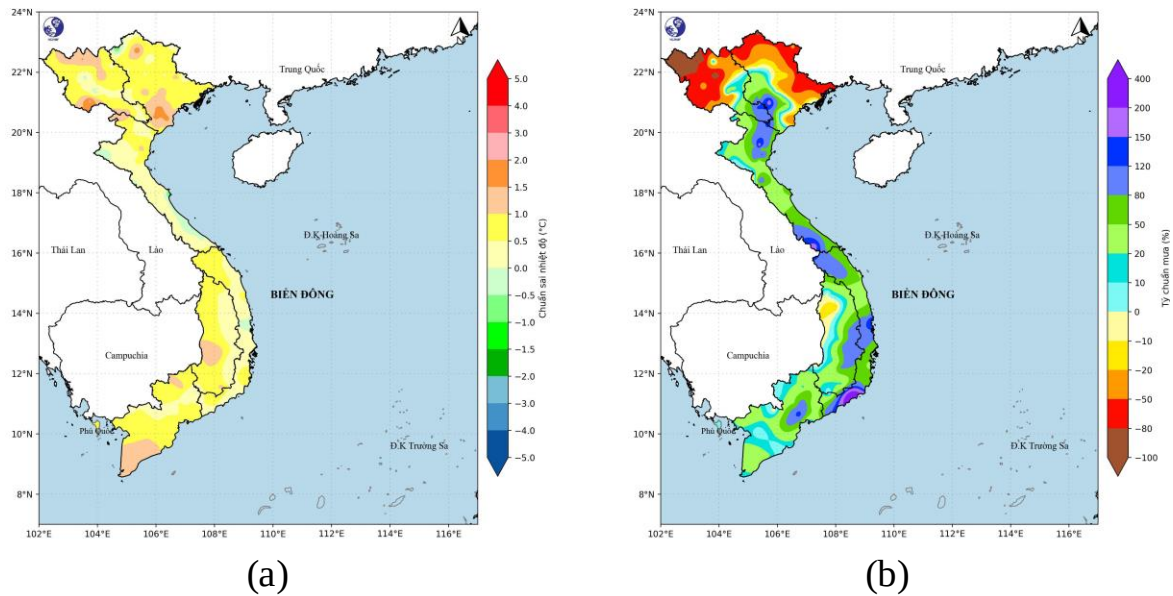
Khu vực Cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ trong tháng qua xuất hiện nhiều ngày mưa rào và dông, trong đó có ngày xuất hiện mưa vừa, mưa to trên diện rộng.

Trong tháng 9/2026, một số trạm khí tượng đã quan trắc được giá trị lượng mưa ngày và TLM tháng vượt giá trị lịch sử (GTLS) cùng thời kỳ (*Phụ lục-Bảng 1, 2*).

+ **Nắng nóng (NN):** Trong tháng 9/2026, khu vực Bắc Bộ xuất hiện 02 đợt NN diện rộng: Từ ngày 30/8-03/9 và từ ngày 28-30/9, với nhiệt độ cao nhất phổ biến 35,0-38,0°C, có nơi trên 38,0°C. Khu vực Trung Bộ đã xảy ra 02 đợt NN diện rộng từ ngày 01-03/9 và từ ngày 28-30/9 (NN tập trung chủ yếu khu vực từ Thanh Hóa-Tp. Đà Nẵng). Nhiệt độ cao nhất tuyệt đối ngày trong các đợt NN phổ biến từ 35,0-38,0°C, có nơi trên 38,0°C. Một số trạm khí tượng đã ghi nhận được nhiệt độ cao nhất tuyệt đối ngày vượt GTLS cùng thời kỳ (*Phụ lục-Bảng 3*).

+ **Không khí lạnh (KKL):** Trong tháng 9/2026, xảy ra 01 đợt KKL vào ngày 10/9, đã gây mưa to và dông diện rộng, cục bộ có nơi mưa rất to ở Bắc Bộ; nhiệt độ trung bình ngày giảm 1,5-3,5°C tại các tỉnh Bắc Bộ và các tỉnh từ

Thanh Hóa đến Hà Tĩnh; tại trạm Bạch Long Vĩ quan trắc gió Đông Bắc mạnh cấp 6, có lúc cấp 7 trong ngày 11-13/9.



Hình 2: (a) Chuẩn sai nhiệt độ trung bình ($^{\circ}\text{C}$) và (b) Tỷ chuẩn lượng mưa (%) tháng 9/2026

+ **Nhiệt độ trung bình (NĐTB):** Trong tháng 9/2026, nhiệt độ trung bình (NĐTB) trên hầu khắp cả nước phổ biến cao hơn từ $0,5-1,0^{\circ}\text{C}$, có nơi cao hơn; riêng một số nơi từ Nghệ An-TP. Huế nền nhiệt độ phổ biến ở mức xấp xỉ đến thấp hơn so với TBNN cùng thời kỳ (Hình 2a). Trong tháng 9/2026, một số trạm khí tượng đã ghi nhận được nhiệt độ trung bình tháng đạt và vượt GTLS cùng thời kỳ (Phụ lục-Bảng 4).

+ **Lượng mưa:** Trong tháng 9/2026, TLM tại khu vực vùng núi Bắc Bộ ở mức thấp hơn từ 20-50%, có nơi thấp hơn 70-90% so với TBNN. Các khu vực còn lại trên cả nước đều ở mức cao hơn từ 30-60%, có nơi cao hơn 120% so với TBNN; riêng tại Phan Rí (Lâm Đồng) có TLM cao hơn 351% so với TBNN cùng thời kỳ (Hình 2b).

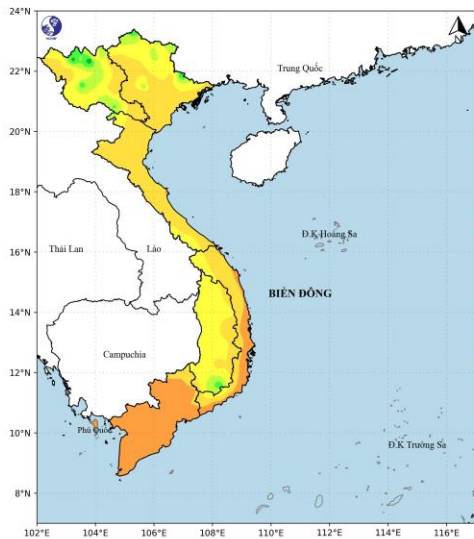
2. Dự báo xu thế khí hậu tháng 10/2026

2.1. Dự báo xu thế NĐTB

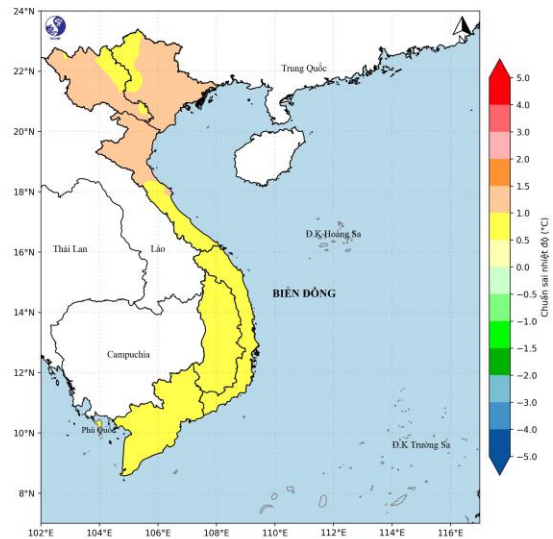
Trong tháng 10/2026, NĐTB trên toàn quốc phổ biến cao hơn so với TBNN từ $0,5-1,5^{\circ}\text{C}$, có nơi cao hơn (Hình 3b).

2.2. Dự báo xu thế lượng mưa

Tháng 10/2026, TLM tại khu vực vùng núi Bắc Bộ phổ biến cao hơn từ 5-20% so với TBNN, các khu vực còn lại của Bắc Bộ và các tỉnh từ Thanh Hóa-TP. Huế TLM phổ biến thấp hơn từ 20-40%; khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ, Cao nguyên Trung Bộ và Nam TLM thấp hơn 5-20% so với cùng kỳ (Hình 4b).

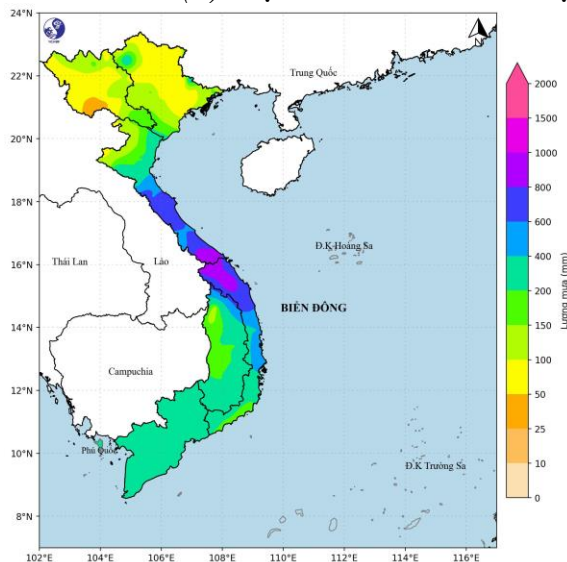


(a)

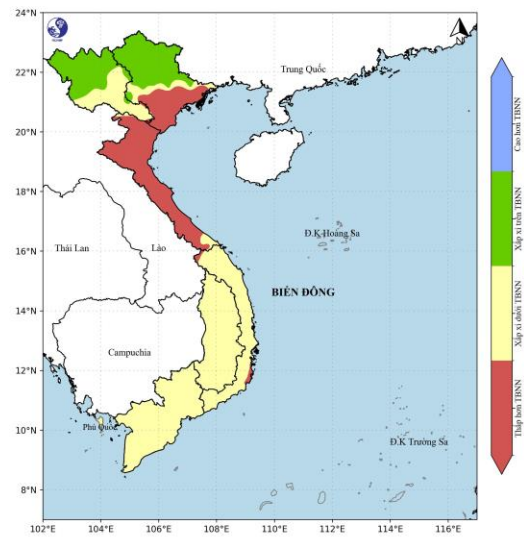


(b)

Hình 3: (a) Nhiệt độ trung bình ($^{\circ}\text{C}$) TBN tháng 10;
(b) Dự báo chuẩn sai nhiệt độ trung bình ($^{\circ}\text{C}$) tháng 10/2026



(a)



(b)

Hình 4: (a) Tổng lượng mưa (mm) TBN tháng 10; (b) Dự báo xu thế lượng mưa tháng 10/2026

2.3. Cảnh báo thời tiết nguy hiểm

+ **Bão/ATNĐ**: Trong tháng 10/2026, bão/ATNĐ hoạt động trên khu vực Biển Đông thấp hơn TBN, tuy nhiên không loại trừ khả năng ảnh hưởng đất liền Việt Nam (TBN: Bão/ATNĐ trên khu vực Biển Đông là 2,0 cơn, trong đó đổ bộ vào đất liền Việt Nam là 0,8 cơn).

+ **Mưa vừa, mưa to**: Trong thời kỳ dự báo, mưa lớn diện rộng vẫn có khả năng xuất hiện và tập trung nhiều hơn ở khu vực Trung Bộ.

+ **Không khí lạnh**: KKL tiếp tục xảy ra và có khả năng ảnh hưởng đến các khu vực Bắc Bộ và Trung Bộ.

+ Hiện tượng thời tiết nguy hiểm như dông, lốc, sét, mưa đá và gió giật

manh có khả năng tiếp tục xuất hiện trên phạm vi cả nước.

2.4. Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế-xã hội

Trên đất liền, hoạt động của dải hội tụ nhiệt đới kết hợp với hội tụ gió ở các tầng khí quyển trên cao, gió mùa Tây Nam và KKL có thể gây ra các đợt mưa diện rộng, nguy cơ xảy ra các hiện tượng thời tiết nguy hiểm như lốc, sét, mưa đá và gió giật mạnh. Trên biển, cần đề phòng gió mạnh do ảnh hưởng của KKL, gió mùa Tây Nam, hoạt động của xoáy thuận nhiệt đới hoặc mưa dông cục bộ gây nguy hiểm cho hoạt động của tàu thuyền.

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu, thời tiết, khí hậu ngày càng diễn biến phức tạp với nhiều hình thái nguy hiểm, cực đoan. Do đó, đề nghị các cấp chính quyền và người dân thường xuyên cập nhật và tích hợp thông tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn trong các bản tin ngắn hạn 1-3 ngày, để kịp thời điều chỉnh các kế hoạch sản xuất, phương án ứng phó phù hợp đảm bảo an toàn cho các hoạt động sản xuất và dân sinh.

3. Dự báo nhiệt độ trung bình, tổng lượng mưa tháng 10/2026

Địa điểm dự báo (Các trạm khí tượng đặc trưng-Tỉnh/Tp-Đài KTTV Khu vực)	Thời kỳ 01-10/10		Thời kỳ 11-20/10		Thời kỳ 21-31/10		Cả thời kỳ	
	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)
Sơn La-Sơn La (Đài KTTV Bắc Bộ)	23,5-24,5	30-60	22,5-23,5	10-20	22,0-23,0	5-10	22,5-23,5	50-100
Lào Cai-Lào Cai (Đài KTTV Bắc Bộ)	26,5-27,5	30-60	25,0-26,0	10-20	25,0-26,0	25-50	25,5-26,5	70-140
Lạng Sơn-Lạng Sơn (Đài KTTV Bắc Bộ)	24,0-25,0	20-40	23,0-24,0	10-20	22,0-23,0	20-40	23,0-24,0	50-100
Việt Trì-Phú Thọ (Đài KTTV Bắc Bộ)	27,0-28,0	40-80	26,0-27,0	10-20	25,0-26,0	20-40	26,0-27,0	70-140
Hải Phòng-Tp. Hải Phòng (Đài KTTV Bắc Bộ)	26,5-27,5	20-40	25,5-26,5	15-30	25,0-26,0	15-30	26,0-27,0	50-100
Hà Đông-Tp. Hà Nội (Đài KTTV Bắc Bộ)	26,5-27,5	40-80	25,5-26,5	15-30	25,0-26,0	30-60	26,0-27,0	80-180
Vinh-Nghệ An (Đài KTTV Trung Bộ)	26,5-27,5	70-140	25,5-26,5	180-280	25,0-26,0	120-220	26,0-27,0	400-640
Huế-Tp. Huế (Đài KTTV Trung Bộ)	26,5-27,5	150-250	25,5-26,5	150-250	25,0-26,0	200-400	25,5-26,5	500-900
Kon Tum-Quảng Ngãi (Đài KTTV Trung Bộ)	24,5-25,5	50-100	24,5-25,5	50-100	24,0-25,0	25-50	24,5-25,5	130-250
Quy Nhơn-Gia Lai (Đài KTTV Trung Bộ)	28,0-29,0	90-180	27,5-28,5	140-230	27,0-28,0	140-230	27,5-28,5	400-640

Địa điểm dự báo (Các trạm khí tượng đặc trưng-Tỉnh/Tp-Đài KTTV Khu vực)	Thời kỳ 01-10/10		Thời kỳ 11-20/10		Thời kỳ 21-31/10		Cả thời kỳ	
	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)
Nha Trang- Khánh Hòa (Đài KTTV Trung Bộ)	28,0-29,0	50-100	27,5-28,5	50-100	27,0-28,0	100-200	27,5-28,5	200-400
Buôn Ma Thuột-Đắk Lắk (Đài KTTV Trung Bộ)	24,5-25,5	50-100	24,5-25,5	40-80	24,0-25,0	40-80	24,5-25,5	130-260
Nhà Bè-Tp. Hồ Chí Minh (Đài KTTV Nam Bộ)	28,0-29,0	60-120	28,0-29,0	40-80	28,0-29,0	50-100	28,0-29,0	150-300
Cần Thơ-Tp. Cần Thơ (Đài KTTV Nam Bộ)	27,5-28,5	70-140	27,5-28,5	40-80	27,5-28,5	60-120	27,5-28,5	170-340

Ghi chú:

- Ttb: Giá trị nhiệt độ trung bình (đơn vị: độ C);
- R: Giá trị tổng lượng mưa (đơn vị: milimét);
- Chuẩn sai: Giá trị chênh lệch của nhiệt độ/lượng mưa so với TBNN (đơn vị: độ C/milimét);
- Tỷ chuẩn: Giá trị chênh lệch tương đối của lượng mưa so với TBNN (đơn vị: %),
- Các khu vực dự báo được điều chỉnh theo địa danh hành chính mới (Bảng 5- Phụ lục)

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: Trước 12h00 ngày 11/10/2026

Tin phát lúc: 12h00 ngày 01/10/2026./.

Soát tin: Hoàng Thị Mai

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Đức Hòa

Phụ lục

Bảng 1: Lượng mưa ngày tháng 9/2026 đạt và vượt GTLS

STT	Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Lượng mưa cao nhất ngày trong tháng 9 trước đó	Ngày xuất hiện GTLS trước đó	Lượng mưa ngày vượt GTLS	Ngày xuất hiện
1	Hoài Đức (TP. Hà Nội)	245,9	28/9/2023	249,5	17/9/2026
2	Vinh (Nghệ An)	387,9	10/9/1985	401,0	19/9/2026
3	Quy Nhơn (Gia Lai)	144,9	22/9/2022	176,0	23/9/2026
4	Phan Thiết (Lâm Đồng)	122,8	25/9/1962	176,8	23/9/2026
5	Phan Rí (Lâm Đồng)	82,6	25/9/2018	213,6	23/9/2026

Bảng 2: Lượng mưa tháng 9/2026 vượt GTLS

STT	Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Lượng mưa lớn nhất tháng 9 trước đó	Năm xuất hiện GTLS trước đó	Tổng lượng mưa lớn nhất tháng 9/2026
1	A Lưới (T.P Huế)	1200,5	2009	1252,0
2	Quy Nhơn (Gia Lai)	512,8	2022	624,0
3	Phan Thiết (Lâm Đồng)	359,0	2015	527,5
4	La Gi (lâm Đồng)	458,2	1986	527,5
5	Phan Ri (Lâm Đồng)	202,3	2018	609,2
6	EaKmat (Đắk Lak)	529,3	2007	640,1
7	Nhà Bè (T.P.HCM)	502,2	2015	640,1
8	Trị An (Đồng Nai)	611,2	2018	616,6

Bảng 3: Nhiệt độ cao nhất tuyệt đối ngày trong tháng 9/2026 đạt và vượt GTLS

STT	Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Nhiệt độ cao nhất ngày trong tháng 9 trước đó	Ngày xuất hiện GTLS trước đó	Nhiệt độ vượt GTLS	Ngày xuất hiện
1	Phù Yên (Sơn La)	37,0	06/9/2024, 08/9/2025	37,2	01/9/2026
2	Hà Đông (TP. Hà Nội)	37,5	05/9/2024	37,5	01/9/2026
3	Pha Đin (Điện Biên)	29,5	23/9/2008	35,4	02/9/2026
4	Cò Nòi (Sơn La)	35,0	08/9/2025	35,2	02/9/2026
5	Ba Tri (Vĩnh Long)	35,2	06/9/2015, 09/9/2024	35,2	04/9/2026
6	Nhà Bè (TP. Hồ Chí Minh)	35,4	07/9/2015	35,4	05/9/2026
7	Biên Hòa (Đồng Nai)	36,0	29/9/2024	36,0	07/9/2026
8	Hoài Nhơn (Gia Lai)	37,3	06/9/2004, 08/9/2024	37,6	08/9/2026
9	An Nhơn (Gia Lai)	37,5	04/9/2023	37,5	08/9/2026
10	Trường Sa (Khánh Hòa)	33,7	09/9/2017	34,0	14/9/2026
11	Pleiku (Gia Lai)	31,9	20/9/2023	32,3	19/9/2026
12	Chi Nê (Phú Thọ)	37,3	02/9/1988	37,6	29/9/2026
13	Hải Dương (Hải Phòng)	37,2	02/9/2020, 05/9/2024	37,3	29/9/2026
14	Hung Yên	36,6	05/9/2024	36,9	29/9/2026
15	Nam Định (Ninh Bình)	36,6	02/9/2020	37,0	29/9/2026
16	Phủ Lý (Ninh Bình)	37,0	06/9/2015	37,5	29/9/2026
17	Nho Quan (Ninh Bình)	37,4	03/9/1988	37,7	29/9/2026
18	Thái Bình (Hưng Yên)	36,0	07/9/2025	36,5	29/9/2026
19	Mai Châu (Phú Thọ)	37,4	19/9/2017	37,4	30/9/2026

STT	Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Nhiệt độ cao nhất ngày trong tháng 9 trước đó	Ngày xuất hiện GTLS trước đó	Nhiệt độ vượt GTLS	Ngày xuất hiện
20	Bạch Long Vỹ (T.P Hải Phòng)	34,3	05/9/2020	34,4	30/9/2026
21	Láng (T.P Hà Nội)	38,2	08/9/2025	38,4	30/9/2026
22	Hưng Yên	36,9	29/9/2026	37,0	30/9/2026
23	Pleiku (Gia Lai)	32,3	19/9/2026	32,3	30/9/2026
24	Buôn Hồ (Đắk Lắk)	31,1	30/9/2024	31,4	30/9/2026
25	Buôn Ma Thuột (Đắk Lắk)	32,9	29/9/2024	33,2	30/9/2026

Bảng 4: Nhiệt độ trung bình tháng 9/2026 đạt và vượt GTLS

STT	Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Nhiệt độ trung bình tháng cao nhất trong tháng 9	Năm xuất hiện GTLS	Nhiệt độ trung bình tháng 9/2026 đạt và vượt GTLS cùng thời kỳ
1	Mường Tè (Lai Châu)	26,7	9/2020; 9/2017	26,9
2	Tam Đường (Lai Châu)	24,0	9/2024	24,1
3	Vĩnh Yên (Phú Thọ)	29,3	9/2025	29,4
4	Hữu Lũng (Lạng Sơn)	28,2	9/2024; 9/2017	28,2
5	Bắc Giang (TP. Bắc Ninh)	28,6	9/2025; 9/2024; 9/2021; 9/2020; 9/2016	29,0
6	Bắc Ninh (TP. Bắc Ninh)	29,1	9/2025	29,2
7	Hòn Dấu (TP. Hải Phòng)	29,1	9/2020; 9/2019; 9/2017	29,3
8	Láng (TP. Hà Nội)	29,5	9/2025; 9/2019	29,5
9	Hải Dương (TP. Hải Phòng)	28,9	9/2014	28,9
10	Hưng Yên (Hưng Yên)	29,0	9/2014	29,0
11	Nam Định (Ninh Bình)	29,1	9/2020	29,1
12	Phủ Lý (Ninh Bình)	28,9	9/2017	29,0
13	Thái Bình (Hưng Yên)	28,6	9/2025; 9/2017	28,7
14	Song Tử Tây (Khánh Hòa)	28,9	9/2020; 9/2010	28,9

STT	Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Nhiệt độ trung bình tháng cao nhất trong tháng 9	Năm xuất hiện GTLS	Nhiệt độ trung bình tháng 9/2026 đạt và vượt GTLS cùng thời kỳ
15	Trường Sa (Khánh Hòa)	29,1	9/2010	29,3
16	Đà Lạt (Lâm Đồng)	19,6	9/2024; 9/2017	19,8
17	Long Khánh (Xuân Lộc) (TP. Đồng Nai)	26,7	9/2017	26,7
18	Nhà Bè (TP. Hồ Chí Minh)	28,3	9/2017	28,3
19	DK1-7 (Huyện Trăn) (TP. Hồ Chí Minh)	28,7	9/2014	29,0
20	Vĩnh Long (Vĩnh Long)	27,8	9/2017	27,9
21	Cao Lãnh (Đồng Tháp)	28,2	9/2001	28,4
22	Bạc Liêu (Cà Mau)	27,9	9/2024	28,1
23	Cà Mau (Cà Mau)	28,7	9/2025; 9/2024	28,7

Bảng 5: Các khu vực dự báo theo địa danh hành chính mới

STT	Khu vực	Gồm các tỉnh
1	Khu vực Tây Bắc Bộ	Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Lào Cai, khu vực phía Nam của tỉnh Phú Thọ (tỉnh Hòa Bình cũ)
2	Khu vực Đông Bắc Bộ	Tuyên Quang, Cao Bằng, Thái Nguyên, Lạng Sơn, TP. Quảng Ninh, TP. Hải Phòng, TP. Bắc Ninh, Hưng Yên, Ninh Bình, TP. Hà Nội; khu vực phía Bắc của tỉnh Phú Thọ (tỉnh Vĩnh Phúc và Phú Thọ cũ)
3	Khu vực Thanh Hóa-Huế	Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị, TP. Huế
4	Khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ	TP. Đà Nẵng, Khánh Hòa và ven biển các tỉnh Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng
5	Khu vực Cao nguyên Trung Bộ	Phía Tây các tỉnh Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng
6	Khu vực Nam Bộ	TP. Đồng Nai, TP. Hồ Chí Minh, Tây Ninh, Đồng Tháp, Vĩnh Long, TP. Cần Thơ, An Giang, Cà Mau